

Số: 989 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 23 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000
khu vực Đầm Trà Ô, tỉnh Gia Lai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024; Luật sửa
sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn ngày
11/12/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy
định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền,
phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số
34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi
tiết một số Điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;*

*Căn cứ Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;
Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị
và nông thôn;*

*Căn cứ Quyết định số 1216/QĐ-BXD ngày 05/8/2025 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng về việc đình chính Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của
Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02
cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn, Nghị
định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số
điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Quyết định số 18/2025/QĐ-TTg
ngày 28/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục phê duyệt
điều chỉnh cục bộ Quy hoạch đô thị và nông thôn được Thủ tướng Chính phủ phê
duyet do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập;*

*Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng
Chính Phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến
năm 2050;*

Căn cứ Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; Quyết định số 3918/QĐ-UBND ngày 12/11/2024 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt đồ án Điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 09/8/2025 của UBND tỉnh về tổ chức lập quy hoạch chung đô thị và nông thôn, quy hoạch khu chức năng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Kết luận số 103-KL/TU ngày 06/02/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Văn bản số 1753/UBND-XDCT ngày 09/02/2025 của UBND tỉnh về nội dung Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 khu vực Đầm Trà Ô, tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 126/TTr-SXD ngày 19/3/2026, Báo cáo thẩm định số 246/BC-SXD ngày 30/12/2025.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng tỷ lệ 1/5.000 khu vực Đầm Trà Ô, tỉnh Gia Lai với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch: Thuộc địa bàn các xã: Bình Dương, Phù Mỹ Đông, Phù Mỹ Bắc, có giới cận:

- Phía Bắc giáp: đường Mỹ Châu – Mỹ Đức;
- Phía Nam giáp đường ĐT632;
- Phía Đông giáp biển Đông;
- Phía Tây: giáp Quốc lộ 1A.

Quy mô lập quy hoạch với tổng diện tích khoảng 5.665 ha. Thời hạn lập quy hoạch đến năm 2035.

2. Quan điểm, mục tiêu của quy hoạch:

- Quy hoạch chung khu vực Đầm Trà Ô trên cơ sở kế thừa các định hướng Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; Đầm Trà Ô không chỉ là một vùng đất ngập nước có giá trị sinh thái đặc biệt với hệ sinh thái đa dạng và nguồn lợi thủy sản phong phú mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc điều tiết nước, hạn chế lũ lụt, ổn định vi khí hậu và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp cho khu vực phía Bắc huyện Phù Mỹ (cũ); việc lập quy hoạch nhằm xác định rõ chức năng sử dụng đất, phân vùng phát triển hợp lý, giải quyết xung đột trong sử dụng tài nguyên nước, đồng thời làm cơ sở cho các quy hoạch phân khu, dự án đầu tư, đảm bảo khai thác hiệu quả tiềm năng của khu vực gắn với bảo vệ hệ sinh thái đặc thù của đầm.

- Làm cơ sở lập các đồ án quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết, quản lý đầu tư phát triển các khu chức năng theo quy định.

3. Tính chất quy hoạch:

- Là khu chức năng vùng đất ngập nước quan trọng của tỉnh, khu vực hạn chế phát thải, ưu tiên phục hồi hệ sinh thái tự nhiên đầm Trà Ổ kết hợp phát triển kinh tế, ổn định và nâng cao đời sống nhân dân khu vực;

- Phát triển du lịch biển, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng dựa vào các giá trị văn hoá truyền thống, cảnh quan tự nhiên đặc trưng, khác biệt của khu vực; phát triển thương mại, dịch vụ, các khu dân cư mới chất lượng cao, trung tâm đào tạo nguồn nhân lực ngành Năng lượng tái tạo, cải tạo chỉnh trang các khu vực dân cư hiện hữu.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch:

- Tổng diện tích đất quy hoạch: 5.665 ha.
- Dân số quy hoạch: 36.000 người.
- Dự báo số lượt khách du lịch (lưu trú): 10.000 -12.000 lượt/ngày.
- Các chỉ tiêu sử dụng đất:
 - + Đất ở nông thôn: 45-70 m²/người
 - + Đất công trình công cộng: 3-5m²/người
 - + Đất cây xanh sử dụng công cộng:>2m²/người.
- Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:
 - + Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt: 100-120 lít/người-ngđ.
 - + Tiêu chuẩn xử lý nước thoát: đạt 80% nước cấp.
 - + Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt: 350-500W/người.
 - + Chất thải rắn sinh hoạt dự kiến: 1kg/người-ngđ.

5. Các nội dung chính của quy hoạch:

5.1. Định hướng tổ chức không gian: bao gồm 4 tiểu vùng phát triển:

a) Tiểu vùng 1: Vùng lòng đầm Trà Ổ, diện tích khoảng 1.461,6 ha.

- Là khu vực phục hồi sự đa dạng sinh học vùng đất ngập nước, kết hợp chức năng chứa nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất, khu vực khai thác nguồn lợi thủy sản bền vững, phát triển các mô hình du lịch xanh, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng (bao gồm các hoạt động du lịch trải nghiệm thiên nhiên gắn với mặt nước đầm, du lịch trải nghiệm ven đầm).

- Quy hoạch khu dịch vụ du lịch cộng đồng tại khu vực lòng đầm, các bến đò phục vụ du lịch (6 vị trí). Chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp trồng lúa khu vực lòng đầm (khoảng 176,6 ha) sang các loại hình nông nghiệp hạn chế phát thải kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái (trồng sen,...)

b) Tiểu vùng 2: Khu vực Tây Nam đầm Trà Ổ, diện tích khoảng 1.072 ha.

- Quy hoạch mới các khu dân cư kết hợp dịch vụ thương mại, dịch vụ du lịch (diện tích phát triển mới khoảng 80ha) trên cơ sở mở rộng khu vực phát triển

đô thị hiện hữu (thị trấn Bình Dương cũ) về đầm. Đầu tư nâng cấp, mở rộng kết hợp mới hệ thống đường giao thông ven đầm, đất quy hoạch hệ thống hạ tầng xã hội (văn hoá, TDTT, cây xanh,...), hệ thống các công trình thương mại, dịch vụ, các bãi đỗ xe mới kết hợp các trạm sạc điện tại các các khu vực phát triển dân cư đảm bảo tiêu chuẩn $2,5m^2/người$;

- Quy hoạch mới 02 Điểm dịch vụ du lịch cộng đồng (bao gồm bãi đỗ xe, khu dịch vụ du lịch, công viên, quảng trường du lịch, bến thuyền du lịch, quy mô 3-5 ha/ điểm).

c) Tiểu vùng 3: Khu vực phía Đông đầm Trà Ô, diện tích khoảng 1.832 ha.

- Quy hoạch mới đường giao thông kết hợp kè ven biển, công viên ven biển. Cải tạo hệ thống các công trình công cộng, tín ngưỡng, khu dân cư theo hướng trở thành điểm du lịch cộng đồng ven biển.

- Quy hoạch Khu đô thị du lịch nghỉ dưỡng, giải trí, sân golf 36 hố (quy hoạch mới, diện tích khoảng 500 ha, trong đó đất rừng phòng hộ khoảng 400 ha). Quy hoạch khu lịch sinh thái đầm Trà ô (26,8 ha), bổ sung quy hoạch bến thuyền du lịch trên sông Châu Trúc;

- Bổ sung quy hoạch khu trung tâm TDTT xã Phù Mỹ Đông, các khu chức năng công cộng, dịch vụ; quy hoạch các bãi đỗ xe mới kết hợp các trạm sạc điện tại các các khu vực phát triển dân cư đảm bảo tiêu chuẩn $2,5m^2/người$;

- Quy hoạch các khu dịch vụ du lịch cộng đồng, quảng trường biển, các công viên, cây xanh, bãi đỗ xe ven biển kết hợp di dời các điểm dân cư sát biển theo chương trình phòng chống thiên tai các khu vực có nguy cơ cao ven biển của tỉnh; quy hoạch các điểm du lịch cộng đồng ven đầm và ven biển phục vụ du lịch, quy hoạch mới khu du lịch sinh thái đầm Trà ô (diện tích 26,8 ha), không mở rộng Dự án điện mặt trời Phù Mỹ. Cập nhật quy hoạch trung tâm đào tạo nguồn nhân lực ngành năng lượng tái tạo (20 ha); Cập nhật quy hoạch trạm biến áp trên bờ, tuyến truyền tải điện dự án điện gió ngoài khơi theo Quy hoạch ngành.

d) Tiểu vùng 4: Khu vực phía Bắc đầm Trà Ô, diện tích khoảng 1.299,4 ha.

- Quy hoạch, chỉnh trang khu dân cư ven biển phía (Phú Hoà, Phú Thứ) trở thành điểm du lịch cộng đồng ven biển (kết hợp tham quan di tích Gò Cờ), quy hoạch mới 01 khu du lịch nghỉ dưỡng biển diện tích khoảng 63 ha.

- Quy hoạch khu dân cư mới (kết hợp dịch vụ thương mại, du lịch) khoảng 80ha khu vực phía Bắc cầu Trà ô. Bổ sung 1 số quỹ đất công cộng, cây xanh, thương mại, dịch vụ. Quy hoạch các bãi đỗ xe mới kết hợp các trạm sạc điện tại các các khu vực phát triển dân cư đảm bảo tiêu chuẩn $2,5m^2/người$;

- Quy hoạch điểm du lịch cộng đồng ven đầm thôn An Giang Đông, thôn Châu Trúc theo hướng điểm du lịch cộng đồng ven đầm. Chuyển đổi diện tích đất trồng lúa ven đầm có cao độ nền dưới +1,5m (khoảng 78 ha) sang mô hình đất nông nghiệp hạn chế phát thải kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái; khoanh vùng 1 số khu vực nghĩa trang hiện hữu, không chôn cất mới;

5.2 Các giải pháp quy hoạch:

a) Đối với mục tiêu Phục hồi hệ sinh thái vùng đất ngập nước đầm Trà Ô, các giải pháp chính bao gồm:

- Quy hoạch nâng và ổn định mực nước lòng đầm (kết hợp nâng cao trình mực nước, nạo vét lòng đầm nhằm tăng khả năng chứa nước đảm bảo đa mục tiêu (phục vụ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và phục hồi hệ sinh thái).

- Quy hoạch đường vành đai phân định khu vực lòng đầm, kiểm soát các hoạt động khai thác thủy sản mang tính hủy diệt (xung điện, lưới bắt quai,...); ngăn chặn các hoạt động xả thải từ các khu vực xung quanh. Chống lấn chiếm, ngăn ngừa các tác động tiêu cực từ các hoạt động xây dựng,...

- Đối với diện tích đất nông nghiệp trong lòng đầm: Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, phương pháp canh tác sang các mô hình nông nghiệp hạn chế phát thải, trong đó ưu tiên phát triển 1 số khu vực sang đất nuôi trồng thủy sản chất lượng cao, đặc hữu kết hợp dịch vụ du lịch sinh thái nhằm tăng hiệu quả kinh tế, ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước.

- Quản lý, bảo vệ vùng thượng lưu đầm, nhằm tránh các nguy cơ ô nhiễm môi trường.

- Phục hồi đa dạng sinh học đầm, bổ sung nguồn lợi thủy sản, giảm thiểu sinh vật ngoại lai xâm hại: Cá rô phi vằn, Ốc bươu vàng, Mai dương...

b) Đối với mục tiêu phát triển kinh tế gắn với ổn định, nâng cao chất lượng đời sống cho người dân:

- Ưu tiên phát triển du lịch, hình thành chuỗi phát triển du lịch nội vùng (biển – đầm) đặc trưng, khác biệt (bao gồm du lịch biển, du lịch sinh thái đầm, du lịch cộng đồng..).

- Quy hoạch và đầu tư Khu đô thị nghỉ dưỡng, giải trí, sân golf 36 hố quốc tế (500 ha);

- Đối với khu đất ven biển dọc phía Đông ĐT 639, quy hoạch công viên cây xanh ven biển kết hợp các điểm dịch vụ du lịch cộng đồng, từng bước di dời 1 số điểm dân cư sát biển (thôn 9) gắn với chương trình phòng chống thiên tai của tỉnh;

- Phát triển các khu dân cư mới chất lượng cao trên cơ sở khai thác lợi thế, động lực lan tỏa từ các dự án lớn của khu vực (tuyến đường ven biển Quốc gia ĐT639, dự án Cảng biển và khu công nghiệp Phù Mỹ..

- Phát triển mô hình du lịch cộng đồng ven đầm, hình thành tuyến du lịch ven đầm, các điểm dịch vụ du lịch cộng đồng ven đầm (bao gồm các hạng mục: bến đò, khu dịch vụ du lịch, bãi đỗ xe, công viên cây xanh).

- Từng bước chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp từ nông nghiệp truyền thống sang các mô hình nông nghiệp hạn chế phát thải, nuôi trồng thủy sản đặc hữu chất lượng cao.

- Quy hoạch nâng dung tích chứa nước dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các hoạt động phát triển kinh tế khác.

- Cải tạo đập Hòa Tân theo hướng đập xả đáy (ưu tiên có luồng nước cho cá đi), đầu tư hệ thống kè dọc sông Hà ra, kè chống bồi lấp cửa Hà Ra, tăng khả năng thoát nước khu vực vào mùa mưa lũ.

5.3 Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất: Chi tiết theo Phụ lục kèm theo.

5.4 Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

a) San nền, thoát nước mặt:

Cao độ san nền các khu vực dân cư hiện trạng phù hợp theo đặc điểm địa hình, cao trình san nền ứng với tần suất 10%, đối với các khu dân cư tập trung là +2.20m, đối với khu công nghiệp tập trung là +2.40m. Các khu vực xây dựng ven biển tính đến cao trình mực nước biên dâng do biến đổi khí hậu.

- Thoát nước mưa: Quy hoạch 9 lưu vực thoát nước xung quanh đầm Trà Ô, cải tạo các trục tiêu tự nhiên, xây dựng hệ thống cống và mương thoát nước để thu gom nước dẫn ra suối và đầm Trà Ô và thoát ra sông Hà Ra.

b) Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Đường ven biển ĐT639 lộ giới 45m. Đường Mỹ Châu – Mỹ Đức lộ giới 30m (4 làn xe). Đường Mỹ Châu – TT Bình Dương lộ giới 24m, đường ĐT632 lộ giới 30m.

- Giao thông chính khu vực: Lộ giới từ 14m – 30m, đường bao quanh lòng đầm mặt cắt 7,0 m (đường bao kết hợp phục vụ du lịch quanh đầm).

- Giao thông thủy: Quy hoạch 06 vị trí bến thuyền thủy nội địa phục vụ du lịch trên đầm Trà Ô.

- Bãi đậu xe: Quy hoạch tại các điểm du lịch cộng đồng ven đầm và ven biển phục vụ du lịch. Quy hoạch các bãi đậu xe kết hợp trạm sạc điện tại các khu vực phát triển dân cư tập trung đạt tiêu chuẩn $2,5m^2$ /người.

c) Quy hoạch thủy lợi:

- Đầm Trà Ô có nhiệm vụ đảm bảo nguồn cung cấp nước cho 8 trạm bơm 1.360 ha đất sản xuất nông nghiệp (Trạm bơm Chánh Khoan tưới 300ha, Vực Đồi 150ha, Đồng Thiên Tế 40ha, Mỹ Trang 150ha, An Giang 80ha, Phú Lộc 170ha, Phú Ninh 370ha, Hai Cây Dừa 100ha); cấp nguồn nước cho cụm công nghiệp Bình Dương 75ha; tạo nguồn cấp nước sinh hoạt và chăn nuôi. Tổng nhu cầu cấp nước từ đầm Trà Ô là 17,866 triệu m^3 /năm.

- Diện tích mặt nước rộng khoảng 1.461,6ha đầm và 80,3ha sông Châu Trúc. Diện tích đất nông nghiệp chuyển đổi sang đất nuôi trồng thủy sản, đất nông nghiệp sinh thái chất lượng cao phục vụ du lịch khoảng 370,1ha đất nông nghiệp bị ảnh hưởng, trong đó 176,6ha đất trong lòng đầm chuyển sang đất nông nghiệp sinh thái kết hợp du lịch (không san lấp), 144,5ha chuyển đổi sang đất nông nghiệp khác (cao độ nền dưới +1.50m), 49 ha đất nông nghiệp chuyển đổi sang chức năng xây dựng khác

- Cao trình mực nước cao nhất +1.00m (tương ứng dung tích 22,92 triệu m^3), cao trình mực nước chết lòng đầm -0.20m (tương ứng dung tích 5,95 triệu m^3).

m3). Nạo vét đáy đầm Trà Ô diện tích 320ha, cao trình -1.20m để tăng dung tích trữ nước vào mùa khô, duy trì môi trường sống cho các hệ sinh thái trong đầm.

- Cao trình mực nước lũ trong mùa mưa cao nhất tương ứng tần suất 10% là +1.72m. Xây dựng lại mới đập Hòa Tân bề rộng 80m lắp đặt cửa van xả đáy, nạo vét, xây dựng luồng cá di chuyển qua đập, chỉnh trị sông Châu Trúc có bề rộng đáy 50m, cao trình -1.20m, hành lang thoát lũ $\geq 120\text{m}$. Chỉnh trị mở cửa Hà Ra (sử dụng kết quả nghiên cứu của đề tài "Nghiên cứu thiết lập các luận cứ khoa học làm cơ sở ban đầu cho việc cải tạo cửa Hà Ra", thuộc dự án "Xử lý hậu quả môi trường và tăng cường năng lực ứng phó với sự cố môi trường do lũ lụt gây ra theo nội dung chỉnh trị sông và cửa sông Lại Giang, tiêu thoát lũ hệ thống sông Lại Giang và chỉnh trị các cửa biển An Dũ, Hà Ra và Đề Gi - tỉnh Bình Định" do TS. Trương Đình Hiền thực hiện) với các hạng mục: (i) Xây dựng kè chắn cát phía Nam bằng kết cấu ống cọc thép và tường chắn với chiều dài 280m, cao trình đỉnh +6.00m. (ii) Đê chắn sóng phía Đông Bắc gồm 2 đoạn: Đoạn trong dài 450m, đoạn ngoài dài 100m, cao trình đỉnh +6.00m. (iii) Luồng tàu cho tàu cá 200 - 400 CV: rộng 56m, cốt đáy luồng -4.00m, ra vào 2 chiều.

- Xây dựng 7 tuyến đê bao kết hợp đường giao thông ven đầm, tổng chiều dài 20,47km, cao trình +(1.50÷1.80)m. Xây dựng 4 trạm bơm tiêu úng cho diện tích đất nông nghiệp nằm trong đê bao có cao trình dưới +1.50m.

d) Cấp nước: Sử dụng nguồn nước sạch từ các công trình nhà máy cấp nước sinh hoạt TT Bình Dương, NSH Mỹ Đức, NSH Mỹ Châu, NSH Mỹ Lợi, NSH Mỹ Thắng. Nước ngầm chỉ áp dụng với những xã không có khả năng khai thác nguồn nước mặt và nhu cầu sử dụng nước thấp, hướng tới sử dụng nước mang tính bền vững.

đ) Cấp điện, thông tin liên lạc:

- Cấp điện: Sử dụng nguồn điện lưới quốc gia, theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh giai đoạn 2016 đến 2025 định hướng đến 2035, xây mới trạm 110kV Bình Dương công suất 2x40MVA. Ưu tiên phát triển hệ thống năng lượng xanh (điện mặt trời, điện gió ngoài khơi).

- Thông tin liên lạc: Nâng cấp các trạm BTS hiện hữu tại trung tâm các xã.

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Từng bước xây dựng hệ thống thoát nước thải, thu gom tập trung về trạm XLNT tập trung. Ưu tiên sử dụng công nghệ hiện đại, nước thải sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Rác thải: Quy hoạch các điểm trung chuyển rác cỡ nhỏ diện tích khoảng 100- 200m²/điểm, rác thải được vận chuyển về khu xử lý tập trung khu vực theo quy hoạch.

- Nghĩa trang nhân dân: Các nghĩa trang hiện trạng tập trung của xã tiếp tục sử dụng, khi hết diện tích sẽ xây dựng kế hoạch đóng cửa, trồng cây xanh cách ly. Về dài hạn sử dụng nghĩa trang khu vực theo quy hoạch, khuyến khích hình thức hỏa táng theo chủ trương chung của tỉnh.

5.5 Kế hoạch thực hiện quy hoạch chung; danh mục chương trình, dự án ưu tiên đầu tư theo các giai đoạn quy hoạch và quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: Kèm theo hồ sơ quy hoạch chung.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng chịu trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai đồ án quy hoạch được duyệt, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa, gửi hồ sơ quy hoạch cho Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã Bình Dương, Phù Mỹ Đông và Phù Mỹ Bắc và các cơ quan liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch; thực hiện đầy đủ các hồ sơ, thủ tục nội dung có liên quan theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao UBND các xã Bình Dương, Phù Mỹ Đông và Phù Mỹ Bắc rà soát, cập nhật đầy đủ các nội dung có liên quan vào quy hoạch chung của từng xã. Việc cập nhật cần bảo đảm phù hợp với định hướng không gian khu chức năng đầm Trà Ô và các vùng lân cận đã được xác định trong đồ án quy hoạch chung khu vực đầm Trà Ô. Tạo sự thống nhất giữa quy hoạch khu vực đầm Trà Ô và quy hoạch chung cấp xã, tránh chồng chéo, mâu thuẫn trong quá trình quản lý và triển khai đầu tư.

3. Giao các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, chịu trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý và thực hiện các nội dung có liên quan theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh; Chủ tịch UBND các xã UBND các xã Bình Dương, Phù Mỹ Đông và Phù Mỹ Bắc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT UBND tỉnh N.T.C.Hoàng;
- CVP, PVPXD;
- Lưu: VT, X5.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND tỉnh)

Bảng cơ cấu quy hoạch sử dụng đất:

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Khu vực xây dựng các chức năng	2.188,50	100%
1	Phát triển dân cư nông thôn	933,50	42,65
2	Phát triển hỗn hợp (dân cư, dịch vụ)	350,00	15,99
3	Dịch vụ - công cộng	27,30	1,25
4	Cây xanh sử dụng công cộng	40,00	1,83
5	Đất thể dục thể thao (sân golf 36 hố)	200,00	9,14
6	Cây xanh sử dụng hạn chế	20,00	0,91
7	Phát triển sản xuất, công nghiệp, kho tàng	106,60	4,87
8	Trung tâm văn hóa, thể dục thể thao	8,90	0,41
8	Phát triển dịch vụ, du lịch	161,38	7,37
9	Di tích, tôn giáo	5,90	0,27
10	Đất an ninh quốc phòng	0,60	0,03
11	Giao thông	286,60	13,10
13	Hạ tầng kỹ thuật khác	47,72	2,18
II	Khu vực nông nghiệp và chức năng khác	3.476,50	
1	Sản xuất nông nghiệp	1.339,40	
-	Đất lúa	867,70	
-	Đất nông nghiệp khác	471,70	
2	Lâm nghiệp	619,30	
	<i>Đất rừng phòng hộ</i>	<i>68,80</i>	
	<i>Đất rừng sản xuất</i>	<i>550,50</i>	
3	Mặt nước	1.461,60	
4	Bãi cát ven biển	56,20	
Tổng diện tích quy hoạch		5.665	